

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/01/2026

V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa chị
Y, anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2025/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 16, xã Hải Tiên, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số 107 Hoàng Đình Nghĩa, xã N, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 16, xã Hải T, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn X; địa chỉ: Thôn 16, xã Hải T, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17 tháng 10 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải T1, huyện Hải Hậu, tỉnh

Nam Định (Nay là xã Hải T, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/03/2009. Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh L. Đến năm 2019 thì vợ chồng cùng vào miền Nam để làm kinh tế, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên cãi vã và không thể hàn gắn được, sau đó anh L đã về nhà bố mẹ sinh sống. Chị và anh L đã sống ly thân từ 8 tháng năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị X, sinh ngày 07/06/2010 và cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 21/11/2014. Hiện hai con chung đang do chị Y nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Y xin được nuôi dưỡng các con chung, không Y cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay, chị đang bán hàng tạp hóa tại thành phố Hồ Chí Minh với mức thu nhập ổn định 15.000.000đ/01 tháng nên chị đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Y và anh L không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không Y cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn L. Anh L đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nhưng đến nay, anh L vắng mặt không lý do và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với Y cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2025 người làm chứng ông Nguyễn Văn Xuyến trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Y là con dâu của ông. Hiện nay, anh L đang đi làm nghề tự do ở gần nhà, sáng đi, tối mới về sinh sống cùng gia đình ông. Anh L và chị Y chung sống với gia đình ông đến năm 2019 thì vợ chồng vào miền Nam làm kinh tế. Đến năm 2023 thì chỉ có mình anh L về quê sinh sống. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo ông được biết, vợ chồng anh L không có mâu thuẫn gì lớn. Nay chị Y làm đơn xin ly hôn anh L, gia đình ông không đồng ý cho anh L và chị Y ly hôn. Về con chung, anh L, chị Y có 02 con chung như chị Y trình bày, nếu chị Y nhận nuôi dưỡng hai cháu thì gia đình ông nhất trí. Còn nếu chị Y không nhận nuôi con thì gia đình ông sẽ đón các cháu về nuôi dưỡng. Về tài sản chung, vợ chồng anh L có xây dựng một căn nhà mái bằng trên thửa đất của vợ chồng ông. Về nghĩa vụ về tài sản chung không có. Do ông không nhất trí cho anh L, chị Y ly hôn nên ông không đồng ý nhận các văn bản tố tụng thay cho anh L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn L. Về con chung, Giao cháu X, cháu D cho chị Y nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Y.

Chị Nguyễn Thị Y phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng ông Nguyễn Văn X có ý kiến xin được vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Y, anh L, ông Xuyên là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là xã Hải Tiến, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn ngày 23/03/2009. Sau khi kết hôn trong cuộc sống vợ chồng anh L chị Y đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay chị Y yêu cầu xin được ly hôn, nhưng anh L không có ý kiến.

Xét Y cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng do kinh tế khó khăn, cộng thêm tính tình không hợp quan điểm lối sống khác nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị X, sinh ngày 07/06/2010 và cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 21/11/2014. Hiện nay, hai cháu đang do chị Y nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Y xin được nuôi dưỡng các con chung và không Y cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Y. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tôn đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L, nhưng anh L không có ý kiến.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung thì thấy: Chị Nguyễn Thị Y có nghề nghiệp và thu nhập, hiện nay cháu X và cháu D đang do chị Y nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có ý kiến gì, cháu X và cháu D đều có nguyện

vọng xin được ở với chị Y. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cần tiếp tục giao cháu X và cháu D cho chị Y nuôi dưỡng; do chị Y không yêu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Y nên về nghĩa vụ nuôi con không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn L không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về tài sản chung cũng như về nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này anh L có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản, nghĩa vụ về tài sản trong thời kỳ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Y thì Tòa án sẽ thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị X, sinh ngày 07/06/2010 và cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 21/11/2014, cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu X, cháu D thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Y. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Do cháu Nguyễn Thị X và cháu Nguyễn Hải D đang do chị Y nuôi dưỡng nên 02 bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001928 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình). Chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 11 + Tỉnh;
- THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Hải T;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đính